

PHÁT TRIỂN KINH TẾ DU LỊCH GẮN VỚI BẢO VỆ AN NINH TRÊN BIỂN Ở VIỆT NAM

Lê Hữu Phương

Tóm tắt: Kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế - xã hội (KT-XH) với quốc phòng - an ninh (QP-AN) luôn là nội dung quan trọng, được quan tâm và trở thành vấn đề cấp thiết hàng đầu của Đảng và Nhà nước ta. Cùng với đó, nhiệm vụ trọng tâm là đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, phát triển kinh tế du lịch (KTDL) gắn với bảo vệ an ninh nói chung, an ninh trên biển nói riêng để nước ta luôn trở thành điểm đến an toàn, hấp dẫn của đông đảo du khách quốc tế, nhất là giữa bối cảnh khó khăn của đại dịch Covid-19. Bài viết đề cập những vấn đề mang tính lý luận và thực tiễn của mối quan hệ giữa phát triển kinh tế du lịch với bảo vệ an ninh trên biển, từ đó tiếp tục đề xuất những khuyến nghị nhằm gắn kết chặt chẽ hơn nữa hai lĩnh vực này, hướng tới mục tiêu đẩy mạnh phát triển KTDL biển ở nước ta bền vững trong thời gian tới.

Từ khóa: An ninh trên biển; Kinh tế du lịch; Quốc phòng - an ninh.

Mở đầu

Kinh tế du lịch luôn được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn trong phát triển KT-XH đất nước. Đảng, Nhà nước ta đã xác định và chỉ rõ thông qua các Văn kiện, Nghị quyết của Đảng việc kết hợp chặt chẽ, gắn kết giữa hai lĩnh vực: phát triển của KTDL gắn với bảo vệ an ninh, đặc biệt là ở các địa phương có biển. Đây là nội dung quan trọng, luôn được quan tâm và trở thành vấn đề cấp thiết hàng đầu trong các giai đoạn.

Việt Nam là một quốc gia nằm trên bán đảo Đông Dương, khu vực Đông Nam Á, ven biển Thái Bình Dương với địa hình đa dạng cùng lợi thế ba mặt Đông, Nam và Tây - Nam trông ra biển, cùng bờ biển kéo dài 3.260 km từ Móng Cái ở phía Bắc đến Hà Tiên ở phía Tây Nam. Đồng thời, Việt Nam có thêm lục địa với nhiều đảo, quần đảo lớn nhỏ bao bọc và 125 bãi biển, trong đó, nhiều địa điểm được bình chọn trong danh sách những bãi biển đẹp, quyến rũ nhất hành tinh. Bên cạnh đó, theo Hiệp hội Câu lạc bộ những Vịnh đẹp nhất thế giới (Club of the

most beautiful bays of the world bays), Việt Nam là 1 trong 12 quốc gia có vịnh đẹp nhất thế giới. Do vậy, phát triển KTDL biển luôn là thế mạnh của du lịch Việt Nam, góp phần không nhỏ vào việc khẳng định vị thế của đất nước trên bản đồ du lịch thế giới.

Trong những năm qua, việc phát triển KTDL gắn với bảo vệ an ninh trên biển ở nước ta dù đã có nhiều thành tựu nổi bật nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, khó khăn. Bài viết này tập trung xem xét lý luận về phát triển KTDL biển, nhận diện những nguyên nhân hạn chế và đề xuất một số giải pháp nhằm vừa phát triển KTDL biển, đồng thời vừa bảo đảm bảo vệ an ninh trên biển ở Việt Nam.

1. Cơ sở lý luận

1.1. Phát triển kinh tế du lịch biển

Quan niệm về kinh tế du lịch

Cùng với sự phát triển về KT-XH, các nhu cầu nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí, giao lưu văn

hoá và mở mang kiến thức của con người ngày càng tăng. Nhu cầu tái sản xuất sức lao động trong xã hội đòi hỏi không chỉ được thoả mãn về ăn, ở, mặc mà nhu cầu về đời sống văn hoá, tinh thần cũng phát triển mạnh. Đây chính là động lực thúc đẩy ngành KTDL phát triển. Ngày nay, trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, sự phát triển của KTDL không chỉ dừng lại ở biên giới quốc gia mà còn mở rộng ra quy mô toàn cầu. Mặt khác, điều kiện về giao thông vận tải, thông tin liên lạc càng đạt trình độ cao và an toàn, đáp ứng nhu cầu thuận lợi cho du khách khi di chuyển từ nơi này đến nơi khác sẽ là cơ hội tốt để KTDL phát triển.

Giữa thế kỷ XIX, cùng với sự phát triển nhanh chóng của nhiều hoạt động, ngành du lịch ngày càng khẳng định vai trò to lớn, trở thành bộ phận quan trọng trong hoạt động KT-XH của các quốc gia trên thế giới. Đề cập đến quan niệm về KTDL, Đồng Ngọc Minh và Vương Lôì Đình cho rằng: “Kinh tế du lịch là một hoạt động kinh tế, là tổng thể các hành vi phối hợp với nhau của hoạt động kinh tế nói chung với hoạt động kinh tế du lịch nhằm đáp ứng các nhu cầu về du lịch” (Đồng Ngọc Minh, Vương Lôì Đình, 2001, tr. 228). Cùng với đó, từ điển Bách khoa Việt Nam cũng đã đưa ra khái niệm: “Kinh tế du lịch là một loại hình kinh tế có đặc thù mang tính dịch vụ và được xem như ngành công nghiệp không khói, gồm có du lịch quốc tế và du lịch trong nước, có chức năng nhiệm vụ tổ chức việc khai thác các tài nguyên và cảnh quan của đất nước (tài nguyên thiên nhiên, phong cảnh, kinh tế, văn hoá, lịch sử) nhằm thu hút khách du lịch trong nước và ngoài nước, tổ chức buôn bán xuất nhập khẩu tại chỗ hàng hoá và dịch vụ cho khách du lịch” (Từ điển bách khoa Việt Nam, 2002, tr. 586).

Nhìn chung, KTDL có thể hiểu là một quan hệ kinh tế trong lĩnh vực cung ứng sản phẩm du lịch nhằm thoả mãn nhu cầu tinh thần của

du khách, đem lại lợi ích kinh tế, chính trị, xã hội thiết thực cho nước làm du lịch và bản thân doanh nghiệp du lịch. Kinh tế du lịch là ngành sản xuất phi vật chất nhưng mang lại những giá trị vật chất và tinh thần rất cao. Trong bài viết này, kinh tế du lịch là tổng thể các mối quan hệ kinh tế nảy sinh trong quá trình sản xuất, trao đổi và tiêu dùng các sản phẩm, dịch vụ du lịch giữa các nhà kinh doanh du lịch và khách du lịch, nhằm thoả mãn nhu cầu cho khách và mang lại lợi ích KT-XH cho doanh nghiệp và địa phương làm du lịch.

Quan niệm về kinh tế du lịch biển

Khi đề cập đến hoạt động du lịch biển, tác giả Đồng Ngọc Minh và Vương Lôì Đình đã đưa ra quan niệm: “Gọi du lịch biển là tổng hòa hiện tượng và quan hệ của các hoạt động du ngoạn, vui chơi, nghỉ ngơi tiến hành ở biển, sinh ra lấy biển làm chỗ dựa nhằm mục đích thoả mãn yêu cầu về vật chất và tinh thần của mọi người dưới điều kiện kinh tế - xã hội nhất định” (Đồng Ngọc Minh, Vương Lôì Đình, 2001, tr. 173). Đây là quan niệm du lịch biển dưới góc độ kinh tế ngành. Tại Việt Nam, một số nhà nghiên cứu đã gộp và coi du lịch biển là một phần của kinh tế biển. Theo đó, PGS. TS. Bùi Tất Thắng cho rằng: “Kinh tế biển hiểu theo nghĩa hẹp là toàn bộ hoạt động kinh tế diễn ra trên biển, chủ yếu gồm: Kinh tế hàng hải (vận tải biển và dịch vụ cảng biển); Hải sản (đánh bắt và nuôi trồng hải sản); Khai thác dầu khí ngoài khơi; Du lịch biển;...” (Bùi Tất Thắng, 2007, tr. 15-19); PGS. TS. Đào Duy Quát và TS. Phạm Văn Linh thì nhận định: “Kinh tế biển là hoạt động kinh tế có ba lợi ích kinh tế phục vụ con người rõ ràng nhất là vận tải đường biển, khai thác nguồn tài nguyên phong phú của biển và du lịch, viễn thông” (Đào Duy Quát, Phạm Văn Linh, 2008); Một nghiên cứu khác cũng cho rằng: “Theo nghĩa hẹp, kinh tế biển là toàn bộ các hoạt động kinh tế diễn ra trên biển, chủ yếu gồm: 1. Kinh tế

hàng hải (vận tải biển và dịch vụ cảng biển); 2. Hải sản (đánh bắt và nuôi trồng hải sản); 3. Khai thác dầu khí ngoài khơi; 4. Du lịch biển; 5. Làm muối; 6. Dịch vụ tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn; 7. Kinh tế đảo” (Chu Đức Dũng, 2011, tr. 36-37)... Như vậy, có thể thấy giữa KTDL và kinh tế biển có sự giao thoa với nhau, khoảng giao thoa ấy chính là KTDL biển. Tuy nhiên, quan niệm này mới chỉ phần nào phản ánh nội hàm của khái niệm kinh tế biển.

Từ các cách tiếp cận khác nhau đó, tác giả cho rằng: Kinh tế du lịch biển là loại hình du lịch được tiến hành nhằm khai thác tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên nhân văn gắn liền với an ninh trên biển, thông qua quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng tạo ra các sản phẩm du lịch biển đa dạng, an toàn để thoả mãn các nhu cầu của du khách.

1.2. Phát triển kinh tế du lịch gắn với bảo vệ an ninh trên biển ở Việt Nam

Quan niệm về phát triển kinh tế du lịch biển và bảo vệ an ninh trên biển

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, phát triển là một quá trình vận động từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện hơn. Vì vậy, có thể tiếp cận quan niệm phát triển KTDL biển trên cơ sở sự hoàn thiện không ngừng cả về lực lượng sản xuất và bảo vệ quan hệ sản xuất. Các mối liên hệ kinh tế nảy sinh và vận hành trong KTDL biển thể hiện trên cả ba mặt của quan hệ sản xuất, ở cả bốn khâu của quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng các sản phẩm, dịch vụ du lịch biển. Như vậy, có thể hiểu: Phát triển kinh tế du lịch biển là quá trình vận động, hoàn thiện không ngừng cả về lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, thông qua việc khai thác có hiệu quả tài nguyên du lịch biển gắn với bảo vệ môi trường, nâng cao số lượng và chất lượng các sản phẩm, dịch vụ; không ngừng mở rộng thị trường, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của du khách, trên

cơ sở đó đạt được hiệu quả kinh tế xã hội cao và bền vững.

Biên giới quốc gia nói chung, biên giới trên biển nói riêng, là nơi có nguồn tài nguyên thiên nhiên to lớn, là cửa ngõ trên biển của tổ quốc, địa bàn chiến lược cả về chính trị, KT-XH, QP-AN và đối ngoại. Trong giai đoạn hiện nay, nước ta cần đẩy mạnh phát triển KTDL trên biển với phương châm vừa phát triển KT-XH, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, vừa góp phần bảo vệ an ninh biển, đảo của tổ quốc. Xuất phát từ các vấn đề đã nghiên cứu về bảo vệ an ninh trên biển, có thể khái quát: Bảo vệ an ninh trên biển là hoạt động quản lý, chống lại mọi sự hủy hoại, xâm phạm để giữ nguyên vẹn chủ quyền quốc gia trên biển, trên không, trong lòng biển; quản lý, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; quản lý tài nguyên môi trường và lợi ích quốc gia trên biển; quản lý và đảm bảo việc thực thi pháp luật, quy chế, các điều ước quốc tế trên biển.

Quan niệm và nội dung phát triển kinh tế du lịch gắn với bảo vệ an ninh trên biển tại Việt Nam

Phát triển kinh tế du lịch và bảo vệ an ninh trên biển có mối quan hệ tác động qua lại, hỗ trợ lẫn nhau một cách biện chứng. An ninh trên biển được giữ vững, trật tự an toàn xã hội trên biển, vùng biển được đảm bảo sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế du lịch phát triển, đem lại hiệu quả cao và ngược lại nếu an ninh trên biển thường xuyên bất ổn; xảy ra tranh chấp, trật tự an toàn xã hội không được đảm bảo, các loại tội phạm ở khu vực khai thác du lịch gia tăng sẽ tác động tiêu cực đến sự phát triển tự nhiên của kinh tế du lịch biển. Nhận thức rõ tầm quan trọng của mối quan hệ đó, các chủ thể không chỉ quan tâm đến việc thu hút khách du lịch, đến lợi nhuận mà còn phải đảm bảo an toàn tuyệt đối cho khách du lịch; chú trọng, quan tâm đến vấn đề chính trị, xã

hội, quốc phòng, bảo vệ an ninh và môi trường sinh thái, v.v.

Vì vậy, phát triển kinh tế du lịch gắn với bảo vệ an ninh trên biển ở Việt Nam được hiểu là tổng thể các hoạt động của Đảng, Nhà nước, chính quyền các cấp, các ngành, cư dân ven biển và du khách trên cơ sở nhận thức, vận dụng các quy luật khách quan của hai lĩnh vực mà gắn kết chặt chẽ các hoạt động kinh tế du lịch với bảo vệ an ninh trên biển, để hai nhiệm vụ này phát triển cân đối, hợp lý, hài hòa; vừa thúc đẩy kinh tế du lịch biển phát triển, vừa góp phần thực hiện bảo vệ vững chắc an ninh trên biển của đất nước.

Từ thực tiễn phát triển kinh tế du lịch và vấn đề bảo vệ an ninh trên biển ở nước ta thời gian qua, để gắn kết chặt chẽ hai nhiệm vụ này trong thời gian tới cần tập trung vào những nội dung sau:

Một là, phát triển kinh tế du lịch gắn với bảo vệ an ninh trên biển ở Việt Nam trong quy hoạch, kế hoạch.

Trong quá trình quy hoạch và xây dựng kế hoạch các khu vực để phát triển KTDL biển trên cả nước, chính quyền các địa phương cùng với cơ quan chức năng cần phải nghiên cứu, xem xét kỹ lưỡng về hiệu quả KT-XH, QP-AN của các khu vực khai thác du lịch. Cần đánh giá những tác động của việc khai thác du lịch ở những khu vực dự kiến quy hoạch, có ảnh hưởng tới khu vực phòng thủ biển đảo hay không. Việc quy hoạch các khu vực khai thác, phát triển du lịch gắn với bảo vệ an ninh trên biển góp phần rất quan trọng để tránh việc quy hoạch không phù hợp với thực tiễn, quy hoạch vào những khu vực nhạy cảm về QP-AN, ảnh hưởng đến nhiệm vụ bảo vệ an ninh trên biển, gây ra những căng thẳng giữa các nước có chung đường biên giới quốc gia trên biển, dẫn đến việc xây dựng kế hoạch

và đầu tư, khai thác du lịch ở những khu vực này không hiệu quả.

Hai là, phát triển kinh tế du lịch gắn với bảo vệ an ninh trên biển ở Việt Nam trong các cơ chế, chính sách phát triển.

Phát triển kinh tế du lịch gắn với bảo vệ an ninh trên biển thể hiện trong các cơ chế, chính sách phát triển và được thực hiện cụ thể trong việc xây dựng, hoạch định mục tiêu, chiến lược phát triển, huy động nguồn lực, lựa chọn, thực hiện các giải pháp tổng thể. Theo đó, Đảng, Nhà nước ta phải có cơ chế, chính sách thỏa đáng động viên, khích lệ dân ra đảo trụ bám làm ăn lâu dài. Xây dựng cơ chế, chính sách tạo điều kiện mở rộng liên kết làm ăn kinh tế ở vùng biển, đảo thuộc phạm vi chủ quyền của đất nước, nhằm tạo ra các đối tác đan xen lợi ích và chống lại sự lấn lướt của các đối tượng.

Ba là, phát triển kinh tế du lịch gắn với bảo vệ an ninh trên biển ở Việt Nam trong mở rộng các loại hình kinh tế du lịch.

Với tiềm năng phong phú, đa dạng về tài nguyên du lịch tự nhiên và du lịch biển, để khai thác những tiềm năng KTDL ở khu vực biển đảo, nước ta cần phải gắn kết hai nhiệm vụ này trong mở rộng thị trường du lịch, đa dạng hóa các loại hình, sản phẩm và không gian du lịch biển. Sự phát triển mạnh của các loại hình, sản phẩm du lịch biển và nguồn nhân lực du lịch với các bộ phận bảo vệ, nhân viên hướng dẫn du lịch dồi dào tại các cảng và các vùng biển sẽ góp phần quan trọng vào việc tạo lập và tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh, góp phần bảo vệ vững chắc an ninh trên biển ở các địa phương.

Bốn là, phát triển kinh tế du lịch gắn với bảo vệ an ninh trên biển ở Việt Nam trong tổ chức quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát.

Trước bối cảnh phức tạp ở trong nước và quốc tế vừa qua, Đảng, Nhà nước, chính quyền và lực lượng chức năng các địa phương phải thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho chính quyền các cấp, doanh nghiệp và quần chúng nhân dân. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý, đôn đốc, kiểm tra, giám sát để kịp thời uốn nắn những sai sót, điều chỉnh và bổ sung trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc phát triển KTDL gắn với bảo vệ an ninh trên biển, bảo đảm sát thực tiễn, đạt hiệu quả cao.

2. Thực trạng phát triển kinh tế du lịch gắn với bảo vệ an ninh trên biển ở Việt Nam

2.1. Thành tựu

Một là, việc gắn phát triển kinh tế du lịch với bảo vệ an ninh trên biển luôn được thể hiện trong quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước và chính quyền các cấp; đồng thời được triển khai và tổ chức thực hiện hiệu quả thông qua các nghị quyết, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

Trong những năm vừa qua, việc phát triển KTDL gắn với bảo đảm QP-AN nói chung, bảo vệ an ninh trên biển nói riêng đã được Đảng, Nhà nước, chính quyền các cấp và các cơ quan chức năng quan tâm đúng mức, được thể hiện đầy đủ và triển khai, tổ chức thực hiện thông qua các nghị quyết, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của Đảng, Nhà nước và hệ thống chính quyền, cơ quan các cấp. Tiêu biểu như: Chiến lược phát triển du lịch đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với nhận định: “Phát triển du lịch kết hợp chặt chẽ với an ninh, quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội, góp phần phục vụ đắc lực sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc” (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2011, tr. 31); Đề án Phát triển du lịch biển, đảo và vùng ven biển Việt Nam đến năm 2020 với khẳng định: “Phát triển du lịch biển phải luôn gắn với mục tiêu đảm bảo an ninh, quốc

phòng, phù hợp với quy hoạch khu vực biển, đảo dành cho an ninh, quốc phòng” (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2013, tr. 69); Đại hội XII của Đảng: “Phát triển mạnh kinh tế biển nhằm tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia và bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp dầu khí, du lịch biển, đảo” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016, tr.94-95); Luật Du lịch với nguyên tắc: “Bảo đảm chủ quyền quốc gia, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội” (Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, 2017, tr. 2).

Trong Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030, Chính phủ cũng xác định rõ nhiệm vụ của các bộ, ban ngành, chính quyền các địa phương trong quán triệt và tổ chức thực hiện: “Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành liên quan triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự xã hội và an toàn cho khách du lịch. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tăng cường quản lý điểm đến, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội để phát triển du lịch” (Thủ tướng Chính phủ, 2020, tr. 10-11). Bên cạnh đó, để phát triển kinh tế du lịch luôn đồng hành với công tác đảm bảo và giữ vững an ninh trên biển, Nhà nước ta đã đưa nhiều hộ dân ra các đảo, quần đảo với các chính sách hỗ trợ cụ thể theo chỉ đạo tại Quyết định số 186/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2014 phê duyệt Đề án xây dựng đảo thanh niên toàn quốc giai đoạn 2013 - 2020 của Thủ tướng Chính phủ (05 đảo thanh niên gồm: đảo Trần - Quảng Ninh, Bạch Long Vĩ - Hải Phòng, Côn Cỏ - Quảng Trị, Cù Lao Chàm - Bình Định, Thổ Chu - Kiên Giang).

Nhìn chung, nội dung các Nghị quyết, Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đều được nghiên cứu, xem xét cẩn trọng, được lồng ghép, đan cài nhằm hạn chế thấp nhất những tác động tiêu cực của hoạt động du lịch đến

QP-AN; chú trọng đến việc bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, giữ gìn, phát huy truyền thống đạo đức, phẩm chất của đồng bào các dân tộc Việt Nam. Đồng thời, tạo cơ sở pháp lý cho sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng và lực lượng liên ngành trong đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội trong lĩnh vực du lịch trên địa bàn các vùng biển đảo.

Hai là, việc gắn kết kinh tế du lịch với an ninh trên biển luôn đảm bảo cho mở rộng, phát triển các loại hình kinh tế du lịch và giữ vững an ninh trên biển.

Thời gian qua, phát triển KTDL gắn với bảo vệ an ninh trên biển ở nước ta vừa đồng thời đảm bảo cho việc mở rộng, phát triển các loại hình kinh tế du lịch, vừa góp phần giữ vững an ninh trên biển. Theo đó, sự gắn kết hai nhiệm vụ này đã mang lại nhiều thành tựu quan trọng, thiết thực cho phát triển kinh tế du lịch biển và bảo vệ an ninh trên biển. Cụ thể:

(1) Thị trường, các loại hình kinh tế du lịch biển được mở rộng và phát triển.

Trong những năm gần đây, doanh thu từ KTDL ngày càng tăng, năm sau cao hơn năm trước. Nhờ kịp thời nắm bắt thị trường, đa dạng hóa các loại hình sản phẩm, phát huy thế mạnh về du lịch biển của các địa phương nên doanh thu du lịch nước ta ngày càng tăng. Nếu như năm 2016 đạt 400.000 tỷ đồng, năm 2018 doanh thu tăng mạnh, đạt 620.000 tỷ đồng thì năm 2019 đạt 726.000 tỷ đồng, tăng 17,1% so với năm 2018. Tổng lượng khách đến nước ta cũng tăng ổn định trong những năm gần đây. Nếu như năm 2016 du khách quốc tế đến Việt Nam đạt 10.012.700 lượt, năm 2018 đạt 15.497.800 lượt thì năm 2019 là 18.008.600 lượt, tăng 16,2% so với cùng kỳ năm 2018. Trong tổng số khách đến Việt Nam, khách đến từ châu Á đạt 14,4 triệu lượt người, chiếm 79,9%, tăng 19,1% so với năm 2018, trong đó, Trung Quốc đạt 5,8 triệu lượt người, tăng

16,9%; Hàn Quốc 4,3 triệu lượt người, tăng 23,1%; khách đến từ châu Âu đạt 2,2 triệu lượt người, tăng 6,4%; khách đến từ châu Mỹ đạt 973,8 nghìn lượt người, tăng 7,7%; khách đến từ châu Úc đạt 432,4 nghìn lượt người, giảm 1,2%; khách đến từ châu Phi đạt 48 nghìn lượt người, tăng 12,2% (Tổng cục Thống kê, 2020, tr. 602).

Về sản phẩm du lịch, các sản phẩm du lịch biển của nước ta đã từng bước được đa dạng hóa gắn liền với thế trận liên hoàn bờ - biển - đảo. Bên cạnh các sản phẩm du lịch biển truyền thống, nước ta có những sản phẩm du lịch biển đã trở thành thương hiệu nổi tiếng trong và ngoài nước như: thăm quan, nghỉ dưỡng trên vịnh Hạ Long, Vịnh Nha Trang, Phú Quốc, v.v.. Hiện nay, nước ta đã phát triển thêm nhiều sản phẩm du lịch biển mới: khám phá Hạ Long bằng thuyền kayak; khu vui chơi, nghỉ dưỡng Vinpearl Hạ Long tại đảo Rều, Vinpearl Nha Trang, Phú Quốc, Bà Nà Hill; v.v... Mặt khác, Nhà nước ta đã chủ động mở rộng không gian du lịch bằng cách thiết lập mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều trung tâm du lịch biển của các quốc gia như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, v.v.

Các vùng du lịch của nước ta ngày càng được mở rộng, trong đó tập trung vào các điểm du lịch biển trọng điểm tại các vùng đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông bắc (vịnh Hạ Long, Vân Đồn); vùng duyên hải Nam Trung Bộ (Vịnh Nha Trang, Vinpearl Nha Trang, Phan Thiết,...); vùng Tây Nam Bộ (Phú Quốc,...)...; các dự án đầu tư về kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch biển đều được khảo sát, nghiên cứu, tính toán kỹ theo hướng lưỡng dụng, vừa tạo nền móng cho phát triển KTDL biển, vừa phục vụ tốt cho nhiệm vụ cơ động, bố trí lực lượng và đáp ứng nhu cầu tác chiến của các lực lượng vũ trang trên biển.

Những năm vừa qua, tỷ lệ đóng góp trực tiếp của du lịch vào GDP ngày càng tăng: năm 2016 đạt 6,9%; năm 2017 đạt 7,9%; năm 2018 đạt 8,3% và năm 2019 đạt 9,2% (Tổng cục Thống kê, 2020, tr. 644). Việc đẩy mạnh phát triển kinh tế du lịch, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế về du lịch của các địa phương đã góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế đất nước tương đối cao và ổn định. Đây là điều kiện để có thể bảo đảm tài chính ngày càng tốt hơn cho công tác quốc phòng và bảo vệ an ninh trên biển ở các địa phương. Mặt khác, ở những vùng kinh tế du lịch biển phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của ngư dân được nâng lên, nhất là ở các huyện đảo, góp phần thực hiện xóa đói, giảm nghèo. Từ đó, củng cố lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và chính quyền các cấp, góp phần giữ vững ổn định chính trị, củng cố thế trận lòng dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trong khu vực phòng thủ quốc gia ngày càng vững chắc.

(2) Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, môi trường du lịch được bảo vệ.

Những năm qua, Đảng, Nhà nước, chính quyền các cấp và các cơ quan liên ngành đã có sự phối hợp chặt chẽ trong quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát các doanh nghiệp kinh doanh du lịch, các khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, các điểm thăm quan vui chơi giải trí trên biển, đảo. Qua kiểm tra, đã kết hợp tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến các quy định của Nhà nước về lĩnh vực du lịch; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và bảo vệ an toàn cho du khách trong mọi tình huống; xử lý hành chính đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm. Ngoài ra, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như báo hình, báo viết, đài phát thanh, truyền hình, v.v. Việt Nam thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao ý thức cho nhân dân các địa phương

về thực hiện nếp sống văn hóa trong giao tiếp, ứng xử với khách du lịch, đặc biệt là khách nước ngoài, bảo vệ cảnh quan môi trường và an ninh trật tự trên biển. Đồng thời, phê phán, đấu tranh với những hành vi sai trái, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, thuần phong mỹ tục, vi phạm pháp luật trong hoạt động kinh doanh du lịch biển.

Các lực lượng liên ngành đã thực hiện nghiêm túc công tác sẵn sàng chiến đấu, tăng cường lực lượng tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, bảo đảm an toàn các mục tiêu trên biển, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên các địa bàn; triển khai đồng bộ các giải pháp phòng ngừa xã hội, mở các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm trên biển, xây dựng môi trường du lịch biển trong sạch, đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của du khách. Tình hình an ninh trật tự trên các địa bàn cơ bản được giữ vững ổn định, không để xảy ra phức tạp, nghiêm trọng về an ninh chính trị.

Về đảm bảo an ninh chính trị, lực lượng an ninh các địa phương đã chủ động thực hiện tốt công tác dự báo, nắm tình hình tăng cường các biện pháp nghiệp vụ, kịp thời phát hiện đấu tranh, ngăn chặn các hoạt động, lực lượng móc nối của các tổ chức phản động, triển khai đồng bộ các biện pháp, vô hiệu hóa các âm mưu, thủ đoạn, hành động chống phá kích động, biểu tình gây mất an ninh trật tự và các hoạt động du lịch trên biển. Do vậy, trên các địa phương có biển đã không xảy ra bất cứ cuộc biểu tình tự phát nào, đảm bảo an ninh trật tự, góp phần tạo môi trường hòa bình, ổn định cho KTDL phát triển.

2.2. Hạn chế

Một là, nhận thức của một bộ phận quần chúng nhân dân còn chưa tốt, mới chỉ thấy lợi ích về kinh tế, chưa thấy được vai trò quan trọng của việc kết hợp phát triển kinh

tế du lịch với bảo vệ an ninh trên biển ở các địa phương.

Công tác giáo dục QP-AN chưa sâu rộng nên ở một số nơi, một bộ phận quần chúng nhân dân còn biểu hiện nhận thức chưa đầy đủ về mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế du lịch gắn với bảo vệ an ninh trên biển ở các địa phương. Họ cho rằng, các đơn vị kinh doanh du lịch chỉ làm nhiệm vụ kinh tế, còn nhiệm vụ bảo vệ an ninh trên biển là của các lực lượng vũ trang, lực lượng liên ngành; cứ tập trung phát triển kinh tế, KTDL mạnh thì QP-AN trên biển sẽ vững, v.v.. Điều này dẫn đến trong thực tế, có tổ chức, cá nhân chỉ chú trọng đến mục tiêu tăng trưởng, phát triển KTDL biển, chưa quan tâm đúng mức hoặc mơ hồ về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch đang lợi dụng con đường du lịch để tiến hành các hoạt động chống phá, xâm phạm đến an ninh, lợi ích quốc gia dân tộc trên biển. Một bộ phận khác, lại có nhận thức đơn thuần khi cho rằng, hoạt động của lực lượng liên ngành chỉ thuần túy là hoạt động quân sự, tiêu tốn tiền của mà không thấy hết vai trò của Quân đội, Công an đối với quá trình phát triển KTDL trên các địa bàn có biển.

Hai là, phát triển các loại hình du lịch biển chưa thực sự đa dạng, khả năng cạnh tranh trên thị trường thấp; chịu tác động, ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19.

Thực tiễn phát triển kinh tế du lịch biển ở nước ta trong những năm qua cho thấy, nhiều địa phương còn thiếu những khu du lịch, sản phẩm du lịch có sức cạnh tranh cao trong khu vực và quốc tế. Tính chủ động, linh hoạt trong kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch chưa cao, chưa hiệu quả. Loại hình kinh doanh du lịch biển và gắn với biển chưa phong phú, đa dạng; các biểu hiện gian lận hàng hóa, dịch vụ, giá cả, thái độ phục vụ,... đối với khách du lịch còn nhiều, để lại ấn tượng không tốt đối với du khách, nhất là khách quốc tế, dẫn tới khả năng

cạnh tranh yếu. Các loại hình kinh doanh du lịch mới ra đời tuy đã được chú trọng đầu tư phát triển song còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc về thủ tục hành chính. Nhiều điểm du lịch biển chưa được chú trọng đầu tư tôn tạo; công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch, nhất là ở nước ngoài còn hạn chế nên chưa tạo được ấn tượng, thu hút du khách quốc tế; kết cấu hạ tầng du lịch chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển KTDL biển mang tầm vóc quốc tế. Bên cạnh đó, trong phát triển các loại hình và sản phẩm du lịch, có thời điểm chưa chú ý đến công tác an ninh trên biển.

Ngoài ra, “năm 2020, dịch bệnh Covid-19 đã tác động rất nghiêm trọng đến ngành du lịch và nhiều ngành dịch vụ khác như giao thông vận tải, hàng không, khách sạn, ăn uống, giải trí..., số khách du lịch quốc tế đến Việt Nam giảm mạnh” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr. 25), theo đó: số lượng du khách quốc tế đến Việt Nam năm 2020 chỉ đạt 3.837,3 nghìn lượt người, giảm 78,7% so với 2019, trong đó khách đến bằng đường hàng không đạt 3.083,2 nghìn lượt người, chiếm 80,3% số lượt người nước ngoài đến Việt Nam, giảm 78,6%; bằng đường bộ đạt 609,4 nghìn lượt người, chiếm 15,9% và giảm 81,9%; bằng đường biển đạt 144,7 nghìn lượt người, chiếm 3,8% và giảm 45,2%; hơn 96% là du khách quốc tế đến trong quý I/2020, từ quý II đến nay chủ yếu là các chuyên gia, lao động kỹ thuật nước ngoài làm việc tại các dự án ở Việt Nam (Tổng cục Thống kê, 2021, tr. 611). Doanh thu du lịch lữ hành năm 2020 chỉ đạt 16.263,4 tỷ đồng, giảm 63,6% so với năm 2019. Trong đó, nhiều địa phương có doanh thu giảm mạnh như: Quảng Nam giảm 78,8%; Khánh Hòa giảm 75,1%; Đà Nẵng giảm 73,3%; thành phố Hồ Chí Minh giảm 70,2%,... (Tổng cục Thống kê, 2021, tr. 653-654). Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống cũng chỉ đạt 493,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 9,9% và giảm 17,2% so với năm 2019 (Tổng cục Thống kê, 2021, tr.

609). Hiện nay, đại dịch Covid-19 vẫn đang khiến thị trường du lịch nói chung, du lịch biển nói riêng “đóng băng”, các doanh nghiệp kinh doanh du lịch và ngư dân gặp nhiều khó khăn về thu nhập và đời sống kinh tế, nhiều bộ phận thất nghiệp, sinh nhàn rỗi,... Từ đó, kéo theo bùng phát các tệ nạn xã hội, các xung đột và mâu thuẫn cá nhân,... gây ra nhiều ảnh hưởng đến trật tự xã hội và an ninh ở các địa phương, địa bàn có biển.

Ba là, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn trên biển có lúc, có nơi còn chưa tốt; sự phối hợp giữa các lực lượng trong quá trình phát triển kinh tế du lịch gắn với bảo vệ an ninh trên biển ở Việt Nam còn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập.

Hiện nay, tại các địa phương có biển vẫn còn tiềm ẩn nhiều vấn đề liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tình hình tội phạm trên biển vẫn còn phức tạp và tăng mạnh. Tình trạng bán hàng rong, chèo kéo, trộm cắp, cướp giật làm mất an toàn vẫn tồn tại, gây bức xúc, mất thiện cảm và lòng tin của du khách, nhất là du khách quốc tế đến tham quan, du lịch, nghỉ dưỡng. Ngoài ra, còn có các vụ gây rối, thái độ phục vụ không tốt của nhân viên du lịch và chất lượng một số cơ sở kinh doanh du lịch còn nhiều hạn chế. Lực lượng duy trì an ninh trật tự còn bộc lộ nhiều yếu kém, hiện tượng bao che cho các cơ sở kinh doanh du lịch bất hợp pháp vẫn tồn tại ở một số cán bộ của các cơ quan chức năng, lực lượng liên ngành. Ở những khu vực có nhiều điểm du lịch quy mô lớn, cơ quan chuyên trách, lực lượng liên ngành còn mỏng. Công tác giữ gìn an ninh trật tự còn bị lạm dụng vì mục đích riêng hoặc lợi ích kinh tế của một số cá nhân khi được giao trọng trách này. Biểu hiện là ở một số cán bộ, khi được giao nhiệm vụ đã can thiệp quá sâu, gây cản trở đến các hoạt động kinh doanh du lịch hoặc vì lợi ích trước mắt mà nhiều doanh nghiệp du lịch, cá

nhân có hành vi bao che cho các hoạt động trái pháp luật của du khách.

Quá trình phối hợp giữa các lực lượng liên ngành trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn trên biển trong tình hình mới vẫn còn nhiều bất cập, chông chéo; giữa các lực lượng chưa thống nhất được phương tiện, cách thức, phương pháp tiến hành cụ thể. Dẫn đến chưa xây dựng được các kế hoạch bảo đảm, bảo vệ an ninh trên biển, đảo một cách chặt chẽ, thống nhất và hiệu quả.

Những hạn chế trong quá trình phát triển KTDL gắn với bảo vệ an ninh trên biển ở nước ta xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Một là, do xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, cùng sự chống phá của các thế lực thù địch trong những năm gần đây. Hai là, do đặc điểm du lịch biển diễn ra phức tạp, thủ đoạn của các loại tội phạm trên biển ở nước ta ngày càng tinh vi. Ba là, cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, thủ tục hành chính liên quan đến việc phát triển kinh tế du lịch gắn với bảo vệ chủ quyền, an ninh trên biển còn thiếu và chưa đồng bộ. Bốn là, cơ chế lãnh đạo, quản lý nhiệm vụ phát triển kinh tế du lịch gắn với bảo vệ an ninh trên biển ở nước ta còn tồn tại nhiều vấn đề bất cập. Năm là, chất lượng công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho các lực lượng về phát triển KTDL gắn với bảo vệ an ninh trên biển ở nhiều địa phương còn hạn chế. Sáu là, sự phối hợp giữa các lực lượng có liên quan về phát triển KTDL gắn với bảo vệ an ninh trên biển ở nước ta còn nhiều bất cập.

Kết luận và khuyến nghị giải pháp

Là quốc gia có địa hình đa dạng cùng lợi thế ba mặt trông ra biển, với bờ biển kéo dài 3.260km và thêm lục địa có nhiều đảo, quần đảo lớn nhỏ bao bọc ven biển, Việt Nam có vị trí địa chiến lược, quan trọng về kinh tế, chính trị, xã hội và quốc phòng - an ninh. Việt

Nam cũng là quốc gia nằm trên tuyến hàng hải huyết mạch nối liền Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương, có cửa ngõ thông thương và phát triển quan hệ kinh tế thương mại với Trung Quốc cùng nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Do đó, để cụ thể hóa việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược thì vấn đề phát triển KTDL gắn với bảo vệ an ninh trên biển ở Việt Nam là một yêu cầu khách quan, để hai nhiệm vụ này được phát triển cân đối, hợp lý, nhằm vừa thúc đẩy KTDL biển phát triển, vừa góp phần bảo vệ an ninh trên biển ở các địa phương.

Trong những năm qua, phát triển KTDL gắn với bảo vệ an ninh trên biển ở Việt Nam còn chịu tác động bởi nhiều yếu tố, trong đó ảnh hưởng từ bên ngoài gia tăng (mặt trái của toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế, sự chống phá của các thế lực thù địch, tệ nạn xã hội,...); “Cạnh tranh ngày càng gay gắt, trong khi độ mở cửa nền kinh tế cao, sức chống chịu còn hạn chế; tác động của biến đổi khí hậu ngày càng mạnh, các loại dịch bệnh xảy ra, đặc biệt là đại dịch Covid-19, ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr. 7).

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2011). Chiến lược phát triển du lịch đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. *Báo cáo tổng hợp*. Hà Nội, tr. 31.
2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2013). Phát triển du lịch biển - đảo và vùng ven biển Việt Nam đến năm 2020. *Đề án*. Hà Nội, tr. 69.
3. Bùi Tất Thắng (2007). Về chiến lược phát triển kinh tế biển của Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và dự báo*, Số 7, tr. 15-19.
4. Chu Đức Dũng (2011). *Chiến lược phát triển kinh tế Biển Đông của một số nước Đông Á*. Viện Kinh tế thế giới. Hà Nội, tr. 36-37.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Văn phòng Trung ương Đảng, tr. 94 – 95.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* tập 2. Nxb. CTQG Sự thật, Hà Nội, tr.7, 25.

7. Đào Duy Quát, Phạm Văn Linh (2008). *Phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Đồng Ngọc Minh, Vương Lôi Đình (2001). *Kinh tế du lịch và Du lịch học*. Nxb. Trẻ TP. Hồ Chí Minh, tr. 173, 228.
9. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2017). *Luật Du lịch số 09/2017/QH14*, ngày 19/6/2017 Hà Nội, tr. 2.
10. Thủ tướng Chính phủ (2020). *Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030*. Quyết định phê duyệt số 147/QĐ-TTg, ngày 22/01/2020, tr. 10, 11.
11. Tổng cục Thống kê (2020). *Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2019*. Nxb. Thống kê, Hà Nội.
12. Tổng cục Thống kê (2021). *Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2020*. Nxb. Thống kê, Hà Nội.
13. Từ điển bách khoa Việt Nam (2002). *Kinh tế du lịch, Tập 2*. Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội, tr. 586.

Thông tin tác giả:

1. Lê Hữu Phương, ThS.

- Đơn vị công tác: Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng.

- Địa chỉ email: phuonglehuu303@gmail.com.

Ngày nhận bài: 06/9/2021

Ngày nhận bản sửa: 03/11/2021

Ngày duyệt đăng: 23/11/2021